

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **387/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 21/7/2023
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phùng Văn Long**

2. Bà **Đặng Thụy Thùy Nga**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đàm Thị Ngọc Ánh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **299/2023/TLST-HNGĐ** ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **126/2023/QĐXXST-HNGĐ** ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Mai T**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: số H, đường L, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Trần Quang K**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(chị T, anh K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 22/5/2023, biên bản hòa giải ngày 30/6/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn **Nguyễn Mai T** trình bày:

Chị và anh K chung sống với nhau như vợ chồng và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 28/12/2022, anh chị không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2023 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân, do anh K hay ghen tuông, nên không cho chị làm tăng ca, anh K kiểm soát tiền bạc, mọi cử chỉ và hành động của chị. Hơn nữa, anh K còn dùng những lời lẽ không hay xúc phạm đến danh dự nhân phẩm chị, chị làm bất cứ việc gì mẹ chồng của chị đều không hài lòng, bà còn dùng những lời nói xúc phạm đến chị. Từ đó, làm cho chị buồn, không muốn cùng anh K xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị và anh K không còn chung sống cùng nhau từ ngày 10/5/2023 đến nay, chị rời nhà anh K và trở về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh K.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai ngày 26/6/2023, biên bản hòa giải ngày 30/6/2023 và trong quá trình tố tụng, bị đơn **Trần Quang K** trình bày:*

Anh và chị T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12/2022, đến nay vẫn chưa tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do khoảng tháng 01/2023, anh bắt gặp chị T nhắn tin với người đàn ông khác, anh nghi ngờ hai người có quan hệ tình cảm, từ đó anh kiểm soát mọi hành động, cử chỉ của chị T. Sau đó, chị T có nhận lỗi và hứa với anh là không nhắn tin với người đó nữa, anh chấp nhận bỏ qua, tình cảm anh chị bình thường. Thời gian sau, chị T tiếp tục đi làm về trễ, thường xuyên báo giờ tan làm không chính xác để anh đưa rước. Tháng 4/2023, chị T đi làm về nhà muộn, anh có nói chuyện với chị T, nhưng chị T không trình bày rõ, anh giận và có dùng những lời lẽ không hay xúc phạm chị T, nhưng sau đó anh có xin lỗi chị. Vì những sự việc này mà tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Anh chị không còn sống chung với nhau từ ngày 10/5/2023 đến nay.

Nay tình cảm giữa anh và chị T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên khi chị T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người thì anh K hoàn toàn thống nhất.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh K.

Anh K trình bày: Anh mong muốn được hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc cùng chị T; tuy nhiên do phía chị T quá kiên quyết, anh không thể níu kéo tình cảm của chị, nên với yêu cầu của chị T, anh tôn trọng và mong Tòa chấp thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Vụ án có quan hệ tranh chấp “Ly hôn”.

[2] *Về hôn nhân:* Chị T và anh K đều thống nhất thừa nhận cả hai chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12/2022, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới cho anh chị, nhưng cả hai không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Lời trình bày này của anh chị hoàn toàn phù hợp với nội dung tài liệu chứng cứ mà hai bên cung cấp là: Đơn xin xác nhận tại Ủy ban nhân dân phường E, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang ngày 27/6/2023 (bút lục 15) và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 30/6/2023 (bút lục 14). Hai người đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 5/2022 đến nay.

Tại phiên tòa, chị T kiên quyết chấm dứt tình cảm với anh K, không muốn quay về chung sống như vợ chồng với anh K như trước nữa; với sự kiên quyết này của chị, anh K chấp nhận và thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai bên. Từ đó cho thấy, hai bên không thể giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, cả hai vẫn chưa tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; do đó quan hệ hôn nhân giữa anh chị là không hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội

đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Mai T và anh Trần Quang K.

[3] Về con chung: Các bên trình bày không có.

[4] Về nợ chung: Các bên trình bày không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các bên trình bày không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mai T.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Mai T và anh Trần Quang K.

- Về con chung: Không có.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021843 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị T, anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Anh Khải, chị Trang; lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI